

Số: /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 622/TTr-SCT ngày 11/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

(chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo)

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định, thực hiện theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29/3/2024 của Bộ trưởng bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, căn cứ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, xác lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính áp dụng trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐ VP, TTTT, LĐ TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC_(A).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Trường Huy

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (02 TTHC)

* Danh mục các TTHC được công bố tại Phụ lục này đã được công bố tại Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm; lĩnh vực kinh doanh khí; lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Cao Bằng.

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (02 TTHC)							
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.000591)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	- Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở - Cỡ sở sản xuất thực phẩm: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ:	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020	- Nội dung sửa đổi, bổ sung: Tên thủ tục; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày xuống 15 ngày làm việc.

					<p>500.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>+ Đối với cơ sở khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</p>	<p>của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương;</p> <p>- Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực</p>	
--	--	--	--	--	---	--	--

						phẩm.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.000535)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở - Cơ sở sản xuất thực phẩm: + Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở + Đối với cơ sở khác: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung sửa đổi, bổ sung: Tên thủ tục; - Cắt giảm thời hạn giải quyết: + Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: từ 03 ngày xuống 02 ngày. + Trường hợp cấp lại do cơ sở

		<p>trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>				<p>thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: từ 25 ngày xuống 15 ngày.</p>
--	--	--	--	--	--	---

Tổng số danh mục TTHC công bố: 02 TTHC

Qua dịch vụ công trực tuyến một phần: 02 TTHC

Cắt giảm thời hạn giải quyết: 02 TTHC

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Quy trình số: 01

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.000591)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLCN&KTATMT	0,5 ngày làm việc
	Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng QLCN&KTATMT	11,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo Phòng trình Lãnh đạo Sở kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN&KTATMT	1 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo sở ký duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo sở	1 ngày làm việc
Bước 4	Văn thư đóng dấu, vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa	Bộ phận Văn thư	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận một cửa xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương	không tính thời gian

		tại Trung tâm phục vụ hành chính công	
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc

Quy trình số: 02

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.000535)

2.1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	2 giờ làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLCN&KTATMT	2 giờ làm việc
	Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng QLCN&KTATMT	6 giờ làm việc
	Lãnh đạo Phòng trình Lãnh đạo Sở kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN&KTATMT	2 giờ làm việc
Bước 3	Lãnh đạo sở ký duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo sở	2 giờ làm việc

Bước 4	Văn thư đóng dấu, vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa.	Bộ phận Văn thư	2 giờ làm việc
Bước 5	Bộ phận một cửa xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			02 ngày làm việc

2.2. Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực (thực hiện như thủ tục cấp mới)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý giải quyết	Lãnh đạo phòng QLCN&KTATMT	0,5 ngày làm việc
	Chuyên viên Phòng thụ lý hồ sơ	Chuyên viên phòng QLCN&KTATMT	11,5 ngày làm việc
	Lãnh đạo Phòng trình Lãnh đạo Sở kết quả giải quyết hồ sơ	Lãnh đạo phòng QLCN&KTATMT	1 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo sở ký duyệt, chuyển văn thư	Lãnh đạo sở	1 ngày làm việc

Bước 4	Văn thư đóng dấu, vào sổ văn bản, chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa	Bộ phận Văn thư	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận một cửa xác nhận trên phần mềm một cửa điện tử; thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC và thu phí, lệ phí.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Công Thương tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Không tính thời gian
Tổng thời gian giải quyết TTHC			15 ngày làm việc